

Số: /TB-QBVR

Điện Biên, ngày tháng 5 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2023 và chi trả bổ sung tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022 cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Điện Biên

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-UBND, ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và dự toán chi quản lý năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và dự toán chi phí quản lý năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên; Quyết định số 2145/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng và dự toán chi phí quản lý năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-UBND, ngày 17/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc Điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng đối với số tiền chưa xác định được đối tượng nhận tiền từ năm 2022-2023 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 221, 222/TB-QBVR, ngày 20/5/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên về việc thông báo tiền chi trả bình quân 01 ha rừng đủ điều kiện cung ứng DVMTR lưu vực Sông Đà, Sông Mã, lưu vực nội tỉnh năm 2023 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Trên cơ sở biểu tổng hợp diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, có xác nhận của Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm huyện Điện Biên và UBND xã.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thông báo thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2023 và chi trả bổ sung tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2022 cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức trên địa bàn huyện Điện Biên, cụ thể như sau:

#### 1. Hình thức và thời gian thanh toán

Quỹ tỉnh chuyển tiền thanh toán DVMTR năm 2023 và chi trả bổ sung tiền DVMTR năm 2022 qua tài khoản ngân hàng cho các chủ rừng; thời gian chuyển tiền trong tháng 5 năm 2024.

**2. Tổng diện tích rừng thanh toán năm 2023 là 25.049,3080 ha, trong đó:**

- 2.1. Lưu vực Sông Đà: 2.922,6408 ha.
- 2.2. Lưu vực Sông Mã: 4.062,8788 ha.
- 2.3. Lưu vực Nhà máy thủy điện Nậm mức: 2.922,6408 ha.
- 2.4. Lưu vực Nhà máy thủy điện Trung thu: 2.922,6408 ha.
- 2.5. Lưu vực Nhà máy thủy điện Long Tạo: 2.922,6408 ha.
- 2.6. Lưu vực Nhà máy thủy điện Huổi Vang: 2.922,6408 ha.
- 2.7. Lưu vực Nhà máy thủy điện Huổi Chan I: 2.750,3484 ha.
- 2.8. Lưu vực Nhà máy thủy điện Nậm Núa: 18.063,7884 ha.
- 2.9. Lưu vực Nhà máy thủy điện Nậm Khẩu Hu: 54,1985 ha.
- 2.10. Lưu vực Nhà máy nước Thành phố Điện Biên Phủ: 54,1985 ha

**3. Tổng số tiền được thanh toán năm 2023 là: 11.302.263.154 đồng, trong đó:**

- 3.1. Lưu vực Sông Đà: 1.857.633.408 đồng.  
- Số tiền đã tạm ứng: 737.885.700 đồng  
- Số tiền còn lại thanh toán: 1.119.747.708 đồng
- 3.2. Lưu vực Sông Mã: 1.625.151.514 đồng.
- 3.3. Lưu vực Nhà máy thủy điện Nậm mức: 403.505.632 đồng.
- 3.4. Lưu vực Nhà máy thủy điện Trung thu: 187.826.433 đồng.
- 3.5. Lưu vực Nhà máy thủy điện Long Tạo: 438.042.478 đồng.
- 3.6. Lưu vực Nhà máy thủy điện Huổi Vang: 187.849.813 đồng.
- 3.7. Lưu vực Nhà máy thủy điện Huổi Chan I: 252.080.430 đồng.
- 3.8. Lưu vực Nhà máy thủy điện Nậm Núa: 6.330.277.448 đồng.  
- Số tiền đủ điều kiện thanh toán: 6.299.355.076 đồng  
- Số tiền chưa đủ điều kiện thanh toán: 30.922.372 đồng
- 3.9. Lưu vực Nhà máy thủy điện Nậm Khẩu Hu: 13.246.384 đồng.
- 3.10. Lưu vực Nhà máy nước thành phố Điện Biên Phủ: 6.649.614 đồng.

*(Có biểu 01, 02 chi tiết kèm theo)*

**4. Chi trả bổ sung tiền DVMTR năm 2022**

- Chi trả bổ sung tiền DVMTR thanh toán năm 2022 cho các chủ rừng đủ điều kiện chi trả DVMTR trên địa bàn huyện với tổng số tiền: 10.737.100 đồng.

- Chủ rừng không đủ điều kiện thanh toán tiền DVMTR năm 2022: Đối với một số diện tích rừng của các chủ rừng có nghi ngờ biến động chưa chi trả thanh toán DVMTR năm 2022: Căn cứ theo kết quả kiểm tra, xác định diện tích rừng cung ứng DVMTR năm 2023 chưa đủ điều kiện chi trả DVMTR trên địa bàn huyện Điện Biên, với tổng diện tích không đủ điều kiện thanh toán DVMTR năm 2022 là: 114,546 ha, tổng số tiền không thanh toán DVMTR năm 2022 là: 45.456.730 đồng.

*(Có biểu 03, 04 chi tiết kèm theo)*

## **5. Lý do các chủ rừng chưa đủ điều kiện thanh toán chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2023**

- 01 chủ rừng chưa có bản đồ giao đất, giao rừng; diện tích giao chồng lấn, phá rừng; có văn bản đề nghị tạm dừng chi trả tiền DVMTR của UBND cấp xã 04 chủ rừng; 01 chủ rừng đang có tranh chấp với các hộ gia đình trong cùng bản.

- 01 chủ rừng chết, chưa gửi biên bản họp gia đình thống nhất người nhận tiền chi trả DVMTR và giấy chứng tử về Quỹ; 217 chủ rừng hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Noong Luống trong biểu kèm theo Quyết định giao đất, giao rừng chưa có địa chỉ nơi thường trú; 04 chủ rừng chưa gửi biên bản họp bầu Ban quản lý rừng cộng đồng; 211 chủ rừng chưa mở tài khoản.

- 17 chủ rừng của xã Noong Luống chưa điều chỉnh tên thôn, bản theo Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc sáp nhập, đổi tên thôn, bản, đội, tổ dân phố thuộc 02 huyện: Điện Biên và Điện Biên Đông.

## **6. Đề xuất, kiến nghị**

### *6.1. Đề nghị UBND huyện Điện Biên*

Tiếp tục quan tâm chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND cấp xã liên quan tham mưu xử lý, giải quyết dứt điểm những tồn tại trên (chồng lấn diện tích, chưa có bản đồ giao đất, giao rừng, chưa điều chỉnh sáp nhập, đổi tên thôn, bản,...) gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để làm căn cứ thanh toán tiền DVMTR cho chủ rừng theo quy định.

*6.2. Đề nghị Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện:* Thông báo kế hoạch, thời gian chi trả tiền DVMTR năm 2023 cho các chủ rừng; tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương để tuyên truyền các chủ rừng mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền (đối với các chủ rừng chưa mở tài khoản).

### *6.3. Đề nghị UBND các xã*

- Niêm yết, công khai biểu thông báo thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2023 và chi trả bổ sung tiền DVMTR năm 2022 tại trụ sở UBND xã (niêm yết lên bảng thông báo chính sách chi trả tiền DVMTR) và thông báo cho các chủ rừng được biết để nắm bắt diện tích, số tiền được chi trả.

- Thông báo tới các chủ rừng nhận tiền DVMTR khi phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện có thông báo chi trả trong ngày giao dịch tại UBND xã.

- Phát biểu thông báo số tiền chi trả DVMTR năm 2023 và chi trả bổ sung tiền DVMTR năm 2022 của từng chủ rừng thuộc địa bàn xã tại UBND cấp xã cho các Trưởng bản/Tổ trưởng Tổ dân phố để nhận về, phát cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng thuộc Bản (khi phát cho các trưởng bản, UBND cấp xã cho ký nhận, ghi rõ họ tên, chức vụ vào danh sách người nhận biểu thông báo số tiền chi trả DVMTR năm 2023 theo mẫu biểu kèm theo) để giúp cho các chủ rừng nắm bắt, theo dõi được diện tích, số tiền được chi trả tiền DVMTR của mình trong năm và gửi lại danh sách ký nhận biểu thông báo tiền về Quỹ để theo

đổi, tổng hợp; thời gian: Chậm nhất sau 01 tháng từ khi có thông báo số tiền chi trả DVMTR của Quỹ.

#### 6.4. Các chủ rừng

- Chủ rừng là tổ chức (Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Điện Biên): Căn cứ số tiền theo thông báo, xây dựng giấy đề nghị chuyển tiền gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

- Đối với các chủ rừng chưa đủ điều kiện chi trả tại mục 5, Quỹ sẽ thực hiện chi trả sau khi có hồ sơ điều chỉnh, giải quyết của cấp có thẩm quyền gửi về Quỹ.

- Đối với diện tích chưa đủ điều kiện chi trả (Chưa có bản đồ, chưa điều chỉnh sáp nhập, đổi tên thôn, bản, diện tích chồng lấn...) đến thời điểm chia đơn giá, Quỹ chưa nhận được hồ sơ điều chỉnh của cấp có thẩm quyền. Vì vậy, Quỹ không thực hiện bù đơn giá năm 2023 cho các chủ rừng.

- Đối với các chủ rừng chưa mở tài khoản: Nhanh chóng thực hiện thủ tục mở tài khoản tại ngân hàng để nhận tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định.

- Đề nghị các chủ rừng có tài khoản của Ngân hàng chính sách xã hội, nhận tiền DVMTR tại trụ sở UBND xã trong ngày giao dịch của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện, nhận tiền khi có thông báo chi trả của ngân hàng; Đối với các chủ rừng mở tài khoản tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam,... chủ động rút tiền tại trụ sở Ngân hàng hoặc các cây ATM của ngân hàng.

**Mọi khó khăn, vướng mắc xin liên hệ đường dây nóng của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, số điện thoại liên hệ: 0326.771.661**

Trên đây là Thông báo thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2023 và chi trả bổ sung tiền DVMTR năm 2022 cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Điện Biên. Đề nghị các chủ rừng và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Điện Biên;
- P.CT UBND huyện phụ trách NL;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Ban Kiểm soát Quỹ;
- Ban Giám đốc Quỹ;
- Hạt Kiểm lâm huyện Điện Biên;
- Phòng giao dịch NHCSXH huyện Điện Biên (P/h);
- Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Điện Biên;
- UBND các xã trên địa bàn huyện Điện Biên;
- Đăng tải trên trang thông tin điện tử Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên, địa chỉ:  
<http://fpdf.dienbien.gov.vn>;
- Lưu: VT, KH-KT.

} (B/c)

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Xuân Tâm**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN  
**QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI TRẢ DVMTR ĐỦ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo TB số /TB-QBVR, ngày /5/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá (đồng/ha)	Tổng số tiền (đồng)	Số tiền tạm ứng lần 1+2 (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>(6=4*5)</i>	<i>7</i>	<i>(8=6-7)</i>
<b>I</b>	<b>Lưu vực Sông Đà</b>	<b>3,468.31</b>	<b>2,922.6408</b>		<b>1,857,633,408</b>	<b>737,885,700</b>	<b>1,119,747,708</b>
1	Xã Mường Pồn	3,468.31	2,922.6408	635,601	1,857,633,408	737,885,700	1,119,747,708
<b>II</b>	<b>Lưu vực Nậm Mực</b>	<b>3,468.31</b>	<b>2,922.6408</b>		<b>403,505,632</b>		<b>403,505,632</b>
1	Xã Mường Pồn	3,468.31	2,922.6408	138,062	403,505,632		403,505,632
<b>III</b>	<b>Lưu vực Trung Thu</b>	<b>3,468.31</b>	<b>2,922.6408</b>		<b>187,826,433</b>		<b>187,826,433</b>
1	Xã Mường Pồn	3,468.31	2,922.6408	64,266	187,826,433		187,826,433
<b>IV</b>	<b>Lưu vực Long Tạo</b>	<b>3,468.31</b>	<b>2,922.6408</b>		<b>438,042,478</b>		<b>438,042,478</b>
1	Xã Mường Pồn	3,468.31	2,922.6408	149,879	438,042,478		438,042,478
<b>V</b>	<b>Lưu vực Huổi Vang</b>	<b>3,468.31</b>	<b>2,922.6408</b>		<b>187,849,813</b>		<b>187,849,813</b>
1	Xã Mường Pồn	3,468.31	2,922.6408	64,274	187,849,813		187,849,813
<b>VI</b>	<b>Lưu vực Huổi Chan I</b>	<b>3,266.13</b>	<b>2,750.3484</b>		<b>252,080,430</b>		<b>252,080,430</b>
1	Xã Mường Pồn	3,266.13	2,750.3484	91,654	252,080,430		252,080,430
<b>VII</b>	<b>Lưu vực Sông Mã</b>	<b>4,736.01</b>	<b>4,062.8788</b>		<b>1,625,151,514</b>		<b>1,625,151,514</b>
1	Xã Phu Luông	613.21	518.3906	400,000	207,356,230		207,356,230
2	Xã Mường Lói	1,339.04	1,146.5518	400,000	458,620,728		458,620,728
3	Xã Mường Nhà	4.44	3.6064	400,000	1,442,556		1,442,556
4	Ban QLRPH huyện Điện Biên	2,779.32	2,394.3300	400,000	957,732,000		957,732,000
<b>VIII</b>	<b>Lưu vực nhà máy nước TP, NKH, Nậm Núa</b>	<b>63.39</b>	<b>54.1985</b>		<b>21,679,400</b>	<b>-</b>	<b>21,679,400</b>
1	Xã Mường Pồn	63.39	54.1985	400,000	21,679,400		21,679,400

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá (đồng/ha)	Tổng số tiền (đồng)	Số tiền tạm ứng lần 1+2 (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7	(8=6-7)
<b>IX</b>	<b>Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Núa</b>	<b>19,185.04</b>	<b>17,221.8327</b>		<b>6,297,571,674</b>	<b>-</b>	<b>6,297,571,674</b>
<b>A</b>	<b>Chủ rừng là tổ chức</b>		<b>1,855.5813</b>		<b>742,232,511</b>		<b>742,232,511</b>
1	Ban QL RPH huyện Điện Biên	2,264.09	1,855.5813	400,000	742,232,511		742,232,511
<b>B</b>	<b>Chủ rừng là hộ gia đình, cộng đồng dân cư</b>	<b>19,185.04</b>	<b>15,366.2515</b>		<b>5,555,339,163</b>		<b>5,555,339,163</b>
1	Xã Hua Thanh	1,226.57	1,021.1745	400,000	408,469,800		408,469,800
2	Xã Thanh Núa	761.81	580.9737	300,000	174,292,110		174,292,110
3	Xã Thanh Hưng	994.18	760.0507	300,000	228,015,210		228,015,210
4	Xã Thanh Luông	1,250.49	939.7689	300,000	281,930,670		281,930,670
5	Xã Thanh Yên	628.68	458.3079	300,000	137,492,370		137,492,370
6	Xã Thanh Chấn	737.71	547.1006	300,000	164,130,180		164,130,180
7	Xã Pa Thơm	483.13	401.4002	400,000	160,560,080		160,560,080
8	Xã Pom Lót	2,339.1178	1,773.6665	300,000	532,099,950		532,099,950
9	Xã Sam Mứn	486.29	354.4892	300,000	106,346,760		106,346,760
10	Xã Núa Ngam	658.59	481.2770	300,000	144,383,103		144,383,103
11	Xã Noong Luông	21.92	15.9797	300,000	4,793,910		4,793,910
12	Xã Na Ú	2,767.83	2,350.6571	400,000	940,262,840		940,262,840
13	Xã Hẹ Muông	2,251.92	1,866.0723	400,000	746,428,920		746,428,920
14	Xã Na Tông	2,212.49	1,869.7860	400,000	747,914,380		747,914,380
15	Xã Mường Nhà	2,364.31	1,945.5472	400,000	778,218,880		778,218,880
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>27,452.75</b>	<b>24,261.5508</b>		<b>11,271,340,782</b>	<b>737,885,700</b>	<b>10,533,455,082</b>

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá (đồng/ha)	Tổng số tiền (đồng)	Số tiền tạm ứng lần 1+2 (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
1	2	3	4	5	$(6=4*5)$	7	$(8=6-7)$

#REF!

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN  
**QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI TRẢ DVMTR CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN NĂM 2023 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo TB số /TB-QBVR, ngày /5/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Tổng số tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
1	Xã Hua Thanh	0.520	0.4212	400,000	168,480	Diện tích rừng đang có tranh chấp (Hộ gia đình ông Lò Văn Xôm với hộ ông Quảng Văn Chứa và bà Lèo Thị Mai cùng trú tại bản Nà Ten, xã Hua Thanh, huyện Điện Biên)
2	Xã Thanh Nưa	5.060	3.6887	32,905	121,377	Quyết định thiếu tên lô, chưa có bản đồ giao đất, giao rừng
3	Xã Noong Luống	1,008.874	735.4688	32,905	24,200,601	Chưa có tài khoản; Một số chủ rừng chưa điều chỉnh tên thôn, bản theo Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND tỉnh Điện Biên về việc sáp nhập, đổi tên thôn, bản; Chủ rừng hộ gia đình cá nhân chưa có địa chỉ nơi thường trú trong biểu kèm theo Quyết định giao đất, giao rừng.
		5.920	4.3157	300,000	1,294,710	Chủ rừng chưa mở tài khoản; Chưa gửi biên bản họp bầu ban quản lý rừng cộng đồng
4	Xã Núa Ngam	14.560	10.6143	300,000	3,184,290	Chủ rừng chết (gia đình chưa gửi biên bản họp gia đình thống nhất người nhận tiền chi trả DVMTR)
		4.010	2.9233	32,905	96,191	Có hai lô rừng chồng lấn với lô rừng của cộng đồng xã Keo Lôm, huyện Điện Biên Đông
5	Xã Na Ú	34.550	27.9855	32,905	920,863	Các chủ rừng đã có biên bản họp thống nhất đưa diện tích rừng vào diện tích rừng của cộng đồng bản Con Cang cho tập thể bản quản lý và bảo vệ. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại tại Quỹ chưa nhận được Quyết định thu hồi và Quyết định giao lại cho cộng đồng quản lý



TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Tổng số tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	(6=4*5)	7
6	Xã Hẹ Muông	0.560	0.4536	400,000	181,440	Diện tích để lại theo Công văn số 186/CV-UBND, ngày 16/4/2024 của UBND xã Hẹ Muông
7	Xã Na Tông	1.190	0.9824	400,000	392,940	Phá rừng theo Báo cáo số 88/BC-KL ngày 29/3/2024 của Hạt Kiểm lâm huyện Điện Biên về việc báo cáo Kết quả kiểm tra, xác minh các vị trí nghi xảy ra phá rừng trên địa bàn huyện Điện Biên và File bản đồ vị trí xảy ra phá rừng do Hạt Kiểm lâm cung cấp
8	Xã Mường Nhà	1.090	0.9037	400,000	361,480	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1,076.334</b>	<b>787.7572</b>		<b>30,922,372</b>	

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN  
**QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP SỐ TIỀN CHI TRẢ BỔ SUNG TIỀN DVMTR NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo TB số /TB-QBVR, ngày /5/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Đơn giá (đồng/ha)	Tổng số tiền (đồng)	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=4*5]	[7]
<b>Chủ rừng là hộ gia đình, cộng đồng dân cư</b>						
1	Xã Hua Thanh	5.04	5.0400	400,000	2,016,000	Diện tích nghi ngờ biến động để lại (qua kết quả kiểm tra, xác định diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2023 trên địa bàn huyện Điện Biên, diện tích rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng)
2	Xã Thanh Luông	2.76	2.484	300,000	745,200	
3	Xã Pom Lót	0.11	0.099	300,000	29,700	
4	Xã Na Ư	1.35	1.350	400,000	540,000	
5	Xã Hẹ Muông	0.38	0.380	400,000	152,000	
6	Xã Mường Nhà	19.09	18.136	400,000	7,254,200	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>28.73</b>	<b>27.489</b>		<b>10,737,100</b>	

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN  
**QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP SỐ TIỀN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHI TRẢ TIỀN DVMTR NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo TB số /TB-QBVR, ngày /5/2024 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng không đủ điều kiện thanh toán DVMTR năm 2022 (ha)	Diện tích chi trả không đủ điều kiện thanh toán DVMTR năm 2022 (ha)	Tổng số tiền không thanh toán DVMTR năm 2022 (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	(6=4*5)	7
1	Xã Hua Thanh	2.100	2.100	840,000	Diện tích nghi ngờ biến động để lại (qua kết quả kiểm tra, xác định diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2023 trên địa bàn huyện Điện Biên, có biên bản làm việc thống nhất trạng thái, diện tích rừng giữa các bên liên quan. Đại diện chủ rừng tham gia đã nhất trí ký biểu thống nhất diện tích rừng biến động không đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng).
2	Xã Pa Thơm	9.720	9.720	3,888,000	
3	Xã Pom Lót	2.450	2.087	626,130	
4	Xã Núa Ngam	1.700	1.530	459,000	
5	Xã Na Ú	46.380	46.380	18,552,000	
6	Xã Hẹ Muông	4.640	4.640	1,856,000	
7	Xã Mường Nhà	50.620	48.089	19,235,600	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>117.610</b>	<b>114.546</b>	<b>45,456,730</b>	

<b>TT</b>	<b>Bên cung ứng DVMTR</b>	<b>Diện tích cung ứng không đủ điều kiện thanh toán DVMTR năm 2022 (ha)</b>	<b>Diện tích chi trả không đủ điều kiện thanh toán DVMTR năm 2022 (ha)</b>	<b>Tổng số tiền không thanh toán DVMTR năm 2022 (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>(6=4*5)</i>	<i>7</i>